

Số: 51 /BC-ĐHV

Nghệ An, ngày 31 tháng 7 năm 2019

BÁO CÁO

Kết quả công tác lấy ý kiến người học và phụ huynh học sinh học kỳ 2, năm học 2018 - 2019

Căn cứ Kế hoạch số 38/KH-ĐHV ngày 01/11/2017 của Hiệu trưởng Nhà trường triển khai thực hiện khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công năm học 2017 - 2018;

Căn cứ Quyết định số 1307/QĐ-ĐHV ngày 01/11/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với cán bộ, viên chức và các hoạt động của Nhà trường;

Thực hiện thông báo số 58/TB-ĐHV ngày 24 tháng 4 năm 2019 v/v lấy ý kiến phản hồi từ người học và phụ huynh học sinh học kỳ 2, năm học 2018 - 2019;

Căn cứ kết quả đợt khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên; các hoạt động của Nhà trường và các đơn vị hành chính học kỳ 2 năm học 2018 - 2019, Nhà trường báo cáo kết quả triển khai thực hiện và kết quả như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN, CÁCH THỨC THỰC HIỆN

1. Đối tượng

1.1. Sinh viên chính quy: Tất cả sinh viên các khóa từ 55 đến 59 hiện đang học tập trung tại Trường.

1.2. Sinh viên chính quy tốt nghiệp đợt tháng 6/2019.

1.3. Học viên cao học: 100% học viên cao học khoá 25 hiện đang học tập trung tại Trường.

1.4. Học sinh Trường THPT Chuyên (kể cả hệ chất lượng cao): 100% học sinh từ lớp 10 đến lớp 12.

1.5. Phụ huynh học sinh Trường THPT Chuyên: 100% phụ huynh học sinh từ lớp 10 đến lớp 12.

1.6. Phụ huynh học sinh Trường Thực hành sư phạm: 100% tổng số phụ huynh học sinh các bậc học Mầm non, Tiểu học, THCS.

2. NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN

2.1. Đối với sinh viên hệ chính quy

- **Phiếu số 1:** Lấy ý kiến từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên.

- **Phiếu số 2:** Lấy ý kiến từ người học về các hoạt động của Nhà trường và các đơn vị hành chính.

- **Phiếu số 9b:** Lấy ý kiến sinh viên cuối khóa tốt nghiệp năm 2019.

2.2. Đối với học viên cao học

- **Phiếu số 4:** Lấy ý kiến từ người học về hoạt động giảng dạy và phục vụ của Nhà trường.

2.3. Đối với học sinh và phụ huynh Trường THPT Chuyên

- **Phiếu số 5a:** Lấy ý kiến từ học sinh về các hoạt động dạy học của giáo viên Trường THPT Chuyên.

- **Phiếu số 5b:** Lấy ý kiến từ phụ huynh học sinh về các hoạt động của Trường THPT Chuyên.

2.4. Đối với phụ huynh học sinh Trường Thực hành sư phạm

- **Phiếu số 6:** Lấy ý kiến phụ huynh học sinh Trung học cơ sở về các hoạt động của Trường Thực hành sư phạm.

- **Phiếu số 7:** Lấy ý kiến phụ huynh học sinh Tiểu học về các hoạt động của Trường Thực hành sư phạm.

- **Phiếu số 8:** Lấy ý kiến phụ huynh trẻ Mầm non về các hoạt động của Trường Thực hành sư phạm.

3. Hình thức lấy ý kiến

3.1. Đối với sinh viên hệ chính quy từ khóa 55 đến 59 thực hiện khảo sát trực tuyến trong trang cá nhân trên phần mềm CMC của Nhà trường.

3.2. Học viên cao học, học sinh Trường THPT Chuyên; Phụ huynh học sinh Trường THPT Chuyên, phụ huynh học sinh Trường THSP: Thực hiện khảo sát qua địa chỉ email đã cung cấp.

4. Mức độ đánh giá

- Mức độ Tốt: Tiêu chí đáp ứng người học từ 80% trở lên.

- Mức độ Khá: Tiêu chí đáp ứng người học từ 65% đến 79%.

- Mức độ Trung bình: Tiêu chí đáp ứng người học từ 50% đến 64%.

- Chưa đạt: Tiêu chí đáp ứng người học dưới 50%.

5. Thời gian thực hiện

Nhà trường tổ chức lấy ý kiến cho các đối tượng trên từ ngày 10/5/2019 đến ngày 25/5/2019.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Bảng thống kê kết quả khảo sát lấy ý kiến từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ 2, năm học 2018 - 2019 (*Thống kê theo đơn vị*) (*Xem phụ lục 1*).

- Bảng tổng hợp ý kiến, nhận xét phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của 385 giảng viên học kỳ 2, năm học 2018 - 2019 (*Thống kê theo từng cá nhân*).

2. Bảng thống kê kết quả khảo sát lấy ý kiến từ người học về các hoạt động của Nhà trường và các đơn vị hành chính học kỳ 2, năm học 2018- 2019 (*Xem phụ lục 2*).

- Bảng tổng hợp các ý kiến, nhận xét phản hồi từ người học về các hoạt động của Nhà trường và các đơn vị hành chính học kỳ 2, năm học 2018- 2019.

3. Bảng thống kê kết quả khảo sát lấy ý kiến từ học sinh về các hoạt động dạy học của giáo viên Trường THPT Chuyên (*Xem phụ lục 3*).

- Bảng tổng hợp các ý kiến, nhận xét từ học sinh về các hoạt động dạy học của giáo viên Trường THPT Chuyên.

4. Bảng thống kê kết quả khảo sát lấy ý kiến từ phụ huynh học sinh về các hoạt động của Trường THPT Chuyên (*Xem phụ lục 4*).

- Bảng tổng hợp các ý kiến, nhận xét từ phụ huynh học sinh về các hoạt động của Trường THPT Chuyên

5. Bảng thống kê kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên cuối khóa tốt nghiệp năm 2019 về các hoạt động của Nhà trường (*Xem phụ lục 5*).

- Bảng tổng hợp các ý kiến, nhận xét phản hồi từ sinh viên cuối khóa tốt nghiệp năm 2019 về các hoạt động của Nhà trường.

(*Phiếu khảo sát, bảng tổng hợp, ý kiến góp ý của người học và phụ huynh học sinh lưu ở Phòng CTCT-HSSV*).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Việc triển khai lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên; hoạt động của các đơn vị hành chính và hoạt động của Nhà trường theo chủ trương chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo là cần thiết trong việc đổi mới quản lý giáo dục, đổi mới phương pháp dạy, phương pháp học nhằm từng bước nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, chất lượng phục vụ, khẳng định chất lượng dạy và học, phục vụ công tác kiểm định chất lượng giáo dục của Nhà trường.

2. Công tác lấy ý kiến người học và phụ huynh học sinh được sự chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của Ban Giám hiệu Nhà trường, sự phối hợp của các đơn vị liên quan, các viện, khoa đào tạo, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Trợ lý quản lý học sinh, sinh viên, học viên và Lớp trưởng các lớp học sinh, sinh viên, học viên toàn trường nên đợt lấy ý kiến người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên, giảng viên; hoạt động của các đơn vị hành chính và các hoạt động của Nhà trường học kỳ 2 năm học 2018 - 2019 đã đạt được mục đích, yêu cầu và kế hoạch đề ra.

3. Việc triển khai lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên đã tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, vai trò, trách nhiệm của giảng viên đối với người học, trách nhiệm của người học đối với giảng viên. Kết quả lấy ý kiến phản hồi từ người học đã phản ánh tương đối khách quan hoạt động giảng dạy của giảng viên, giảng viên về những mặt đã làm được và cả những mặt còn tồn tại.

4. Nhìn chung kết quả lấy ý kiến người học ở học kỳ này so với học kỳ 1 năm học 2018 - 2019 thì chỉ số đánh giá của người học về các hoạt động của Nhà trường và các đơn vị hành chính đều có tỷ lệ % mức độ “Tốt” cao hơn.

5. Phòng CTCT-HSSV đã tích cực chủ động xây dựng kế hoạch, làm tốt công tác tuyên truyền, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc. Kết quả khảo sát có độ tin cậy, các báo cáo, thống kê đã cung cấp cho giảng viên, các viện, khoa, tổ bộ môn, Trường các đơn vị liên quan và Nhà trường có thêm thông tin để điều chỉnh hoạt động giảng dạy và hoạt động quản lý.

V. MỘT SỐ TỒN TẠI

1. Vẫn còn một số sinh viên chưa thực hiện việc khảo sát giảng viên theo quy định của Nhà trường nhưng phần mềm CMC chưa thống kê, tổng hợp được.

2. Khi Nhà trường thực hiện việc tái cấu trúc và thành lập các viện nhưng trên phần mềm các giảng viên chưa chuyển về đơn vị mới nên việc tải dữ liệu để thống kê, tổng hợp gặp khó khăn, mất nhiều thời gian.

3. Bắt đầu từ học kỳ 2, năm học 2018 - 2019, Nhà trường thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến sinh viên cao học, học sinh và phụ huynh học sinh trên hệ thống khảo sát mới thông qua địa chỉ email cá nhân; mặc dù đã có thông báo yêu cầu cập nhật địa chỉ email cá nhân nhưng vẫn đang còn nhiều học viên, học sinh, phụ huynh học sinh cập nhật sai cấu trúc email, cập nhật chậm hoặc không cập nhật.... Mặt khác do phần mềm mới xây dựng, vẫn còn tồn tại một số nhược điểm như học viên, học sinh chưa nhận đủ số email mời tham gia khảo sát tương ứng với số môn học của học kỳ, chưa thống kê chi tiết được sĩ số lớp học phân mà sinh viên thực hiện khảo sát.

4. Một số sinh viên chưa ý thức được trách nhiệm, quyền lợi của mình trong việc thực hiện lấy ý kiến người học, nên có tư tưởng đối phó khi góp ý kiến, chưa thực hiện đúng quy trình, mục đích, yêu cầu, nội dung của Nhà trường.

5. Một bộ phận người học và phụ huynh còn chưa đọc kỹ hướng dẫn trước khi thực hiện khảo sát nên số lượng phiếu không hợp lệ còn chiếm tỉ lệ cao; số phụ huynh và người học không tham gia trả lời email mời khảo sát còn rất nhiều căn cứ theo danh sách cung cấp địa chỉ email.

6. Trong thông báo lấy ý kiến người học học kỳ 2, năm học 2018 - 2019, đối tượng tham gia khảo sát là học viên cao học, phụ huynh học sinh Trường Thực hành Sư phạm, tuy nhiên do số lượng người được mời tham gia, thực hiện khảo sát lấy ý kiến còn chiếm tỉ lệ thấp, Nhà trường tiếp tục thông báo, nhắc nhở để phụ huynh học sinh và trẻ mầm non hoàn thành việc khảo sát đáp ứng mục đích, yêu cầu đề ra (*sẽ có báo cáo tổng hợp riêng*).

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị Phòng Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên phối hợp cùng Trợ lý QLSV các khoa, viện đào tạo nhắc nhở học viên, sinh viên cập nhật địa chỉ email trên trang cá nhân để việc khảo sát lấy ý kiến hàng năm đạt kết quả tốt.

2. Các Trường trực thuộc cần phối hợp giữa Trợ lý QLHS và giáo viên chủ nhiệm để thu thập đầy đủ thông tin, địa chỉ email phụ huynh học sinh, phụ huynh trẻ mầm non để đảm bảo công tác khảo sát lấy ý kiến triển khai rộng rãi đến tất cả các đối tượng.

3. Đề nghị Trung tâm Công nghệ thông tin tiếp tục xây dựng, hoàn thiện phần mềm thực hiện khảo sát lấy ý kiến trực tuyến cho tất cả các đối tượng người học và phụ huynh học sinh để việc khảo sát lấy ý kiến được thuận lợi và dễ dàng trong thống kê, báo cáo, đáp ứng các tiêu chí của Nhà trường và Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu; Phối hợp với đơn vị quản lý phần mềm quản lý trực tuyến xây dựng phương án lấy ý kiến khảo sát bằng hình thức khảo sát trực tuyến cho tất cả các đối tượng người học và phụ huynh học sinh để việc khảo sát lấy ý kiến được thuận lợi và dễ dàng trong thống kê, báo cáo.

VII. KẾT LUẬN

1. Cung cấp thông tin và xử lý kết quả lấy ý kiến từ người học:

a) Nhà trường sẽ gửi: (1) Thống kê kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về các hoạt động giảng dạy của giảng viên, giáo viên; (2) Bảng tổng hợp ý kiến phản hồi từ người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên, giáo viên học kỳ 2, năm học 2018 - 2019 được người học đánh giá ở các mức độ: Tốt, Khá, Trung bình, Chưa đạt (*sắp xếp theo thứ tự giảng viên có số lượt phiếu và có số lượt câu hỏi trả lời từ cao đến thấp*) cho Viện trưởng, Trưởng khoa, Hiệu trưởng các Trường trực thuộc thông qua địa chỉ email. Viện trưởng, Trưởng khoa, Hiệu trưởng các Trường trực thuộc chịu trách nhiệm gửi kết quả cho Trưởng Bộ môn và Trưởng Bộ môn gửi cho các giảng viên, giáo viên của tổ bộ môn.

b) Trên cơ sở kết quả lấy ý kiến của người học, phụ huynh học sinh, trẻ mầm non, giảng viên, giáo viên toàn trường xem xét để điều chỉnh hoạt động giảng dạy của mình. Đối với các giảng viên, giáo viên có chỉ số đánh giá thấp, Viện trưởng, Trưởng khoa, Hiệu trưởng các Trường trực thuộc chỉ đạo Trưởng Bộ môn, Tổ trưởng lên kế hoạch dự giờ trong năm học tới, để các giảng viên, giáo viên trong bộ môn đánh giá, rút kinh nghiệm giúp giảng viên, giáo viên cải tiến chất lượng giảng dạy.

c) Trưởng các đơn vị hành chính có chỉ số sinh viên hài lòng thấp phải rà soát lại công tác điều hành, quản lý, rà soát lại đội ngũ cán bộ, viên chức và điều chỉnh phân công nhiệm vụ cho phù hợp; tiếp thu và sớm giải quyết các ý kiến đề xuất chính đáng của người học (do phòng CTCT-HSSV cung cấp); chấm dứt tình trạng để người học phản ánh về tinh thần, thái độ làm việc của cán bộ, viên chức.

e) Nhà trường đề nghị giảng viên, giáo viên, cán bộ viên chức tiếp tục góp ý kiến cho hoạt động lấy ý kiến người học và phụ huynh học sinh. Các ý kiến góp ý gửi về Trường (*qua ông Hoàng Ngọc Diệp, Phó Trưởng phòng CTCT-HSSV, email: diephn@vinhuni.edu.vn*).

2. Năm học 2019 - 2020, Nhà trường tiếp tục triển khai lấy ý kiến phản hồi từ người học về các hoạt động giảng dạy của giảng viên, giáo viên ở tất cả các bậc học. Thời điểm lấy ý kiến người học dự kiến được tổ chức trước khi kết thúc học phần 2 tuần của mỗi học kỳ. Nếu sinh viên không thực hiện việc khảo sát, Nhà trường sẽ chuyển danh sách về khoa, viện đào tạo đề nghị xử lý.

3. Đề nghị các đơn vị, các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tiếp tục tổ chức quán triệt và tăng cường công tác tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, yêu cầu, nội dung của việc lấy ý kiến người học trong cán bộ, viên chức và học sinh, sinh viên, học viên toàn trường để công tác lấy ý kiến ngày càng đạt hiệu quả cao, góp phần vào việc nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo của Nhà trường. /.

Nơi nhận: *ĐH*

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- BTV Đảng ủy, HĐ Trường (để b/c);
- Các đơn vị trong Trường;
- CĐ trường; Đoàn TN, HSV;
- Lưu HCTH, CTCT-HSSV: *ĐH*

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Đinh Xuân Khoa

PHỤ LỤC 1

TỔNG HỢP Ý KIẾN NGƯỜI HỌC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY CỦA GIẢNG VIÊN, HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2018 - 2019
ĐỢT LẤY Ý KIẾN TỪ NGÀY 09/05/2019 ĐẾN NGÀY 25/05/2019

(Kèm theo báo cáo số 51 /BC-ĐHV ngày 11 /7/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Khoa/Viện	Tổng số câu hỏi được trả lời	MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG							
			Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)		Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)		Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)		Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	
			Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Ban Quản lý CS2	264	256	96,97	4	1,52	4	1,52	0	0
2	Khoa Giáo dục	52014	47448	91,22	3611	6,94	723	1,39	232	0,45
3	Khoa Giáo dục Quốc phòng	517	504	97,49	5	0,97	6	1,16	2	0,39
4	Khoa Giáo dục Thể chất	4477	3667	81,91	665	14,85	97	2,17	48	1,07
5	Khoa Kinh Tế	65393	56718	86,73	7329	11,21	1044	1,60	302	0,46
6	Khoa Luật	51641	44717	86,59	5300	10,26	1099	2,13	525	1,02
7	Khoa Sư phạm Ngoại Ngữ	35594	31022	87,16	3899	10,95	481	1,35	192	0,54
8	Khoa Xây dựng	11924	10604	88,93	888	7,45	275	2,31	157	1,32
9	Phòng Đào tạo	539	486	90,17	39	7,24	14	2,60	0	0,00
10	Phòng Đào tạo Sau Đại học	220	219	99,55	1	0,45	0	0,00	0	0,00
11	Phòng Thanh tra - Pháp chế	704	553	78,55	134	19,03	12	1,70	5	0,71
12	Trung tâm Công nghệ thông tin	1749	1594	91,14	133	7,60	22	1,26	0	0,00
13	Trường Thực hành Sư phạm	2222	2044	91,99	137	6,17	33	1,49	8	0,36
14	Viện Hóa sinh - Môi trường	5368	4746	88,41	551	10,26	64	1,19	7	0,13

15	Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn	22359	18881	84,44	2813	12,58	493	2,20	172	0,77
16	Viện Kỹ thuật - Công nghệ	31339	26980	86,09	3520	11,23	543	1,73	296	0,94
17	Viện Nông nghiệp và Tài nguyên	3355	2999	89,39	282	8,41	66	1,97	8	0,24
18	Viện Sư phạm Tự nhiên	7271	6312	86,81	810	11,14	95	1,31	54	0,74
19	Viện Sư phạm Tự nhiên	32732	28577	87,31	3402	10,39	515	1,57	238	0,73
20	Viện Sư phạm Xã hội	17973	15036	83,66	2300	12,80	399	2,22	238	1,32
Tổng		347655	303363	87,26	35823	10,30	5985	1,72	2484	0,71

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG CTCT-HSSV



ThS. Hoàng Ngọc Diệp

Nghệ An, ngày 31 tháng 7 năm 2019

NGƯỜI THỐNG KÊ



Lê Trần Nam



PHỤ LỤC 2
THỐNG KÊ KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động của Nhà trường và các đơn vị hành chính học kỳ 2, năm học 2018 - 2019

STT	Tiêu chí	Số phiếu	Tỷ lệ %
A	I. Cơ sở vật chất của Nhà trường		
1	Hệ thống phòng học và trang thiết bị các phòng học đảm bảo điều kiện học tập, rèn luyện, sinh hoạt của người học		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	9873	76,86
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	2342	18,23
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	423	3,29
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	117	0,91
e	Chưa tiếp xúc	90	0,70
	TỔNG	12845	100,00
2	Nhà thi đấu TDTT, sân bóng và các khu vực luyện tập, sinh hoạt chung đáp ứng điều kiện học tập, rèn luyện		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	9211	71,71
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	2353	18,32
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	845	6,58
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	226	1,76
e	Chưa tiếp xúc	210	1,63
	TỔNG	12845	100,00
3	Hệ thống vệ sinh công cộng của Nhà trường		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	8674	67,53
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	2842	22,13
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	745	5,80
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	471	3,67

Handwritten signature

e	Chưa tiếp xúc	113	0,88
	TỔNG	12845	100,00
4	Hệ thống điện, nước của Nhà trường		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	8996	70,04
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	2661	20,72
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	552	4,30
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	461	3,59
e	Chưa tiếp xúc	175	1,36
	TỔNG	12845	100,00
B	II. Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào		
1	Cơ sở dữ liệu, nguồn tài liệu đáp ứng nhu cầu của người học		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	8862	68,99
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	2961	23,05
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	305	2,37
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	322	2,51
e	Chưa tiếp xúc	395	3,08
	TỔNG	12845	100,00
2	Trang thiết bị các phòng đọc, thiết bị hỗ trợ người học trong việc tìm kiếm các tài liệu thông tin cần thiết		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	9320	72,56
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	2608	20,30
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	305	2,37
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	313	2,44
e	Chưa tiếp xúc	299	2,33
	TỔNG	12845	100,00
3	Thái độ phục vụ, tinh thần trách nhiệm của cán bộ thư viện đối với bạn đọc		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	8936	69,57

b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	3098	24,12
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	305	2,37
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	323	2,51
e	Chưa tiếp xúc	183	1,42
	TỔNG	12845	100,00
C	III. Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm		
1	Trang thiết bị các phòng thực hành - thí nghiệm của Nhà trường đáp ứng đủ điều kiện thực hành, thí nghiệm của người học		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	9290	72,32
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	2031	15,81
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	305	2,37
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	323	2,51
e	Chưa tiếp xúc	896	6,98
	TỔNG	12845	100,00
2	Các thiết bị thực hành - thí nghiệm đều hoạt động tốt và cho kết quả đúng với lý thuyết		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	8970	69,83
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	2321	18,07
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	315	2,45
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	343	2,67
e	Chưa tiếp xúc	896	6,98
	TỔNG	12845	100,00
3	Thái độ phục vụ của Kỹ thuật viên, giáo viên hướng dẫn thực hành thí nghiệm		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	9018	70,21
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	2448	19,06
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	208	1,62
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	218	1,70
e	Chưa tiếp xúc	953	7,42

	TỔNG	12845	100,00
D	IV. Các hoạt động khác		
1	Thái độ, tinh thần làm việc, ý thức trách nhiệm của giảng viên, giáo viên trong quá trình đào tạo.		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	9978	77,68
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	2297	17,88
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	401	3,12
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	116	0,90
e	Chưa tiếp xúc	53	0,41
	TỔNG	12845	100,00
2	Thái độ, tinh thần làm việc, ý thức trách nhiệm của cán bộ hành chính trong quá trình đào tạo.		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	9560	74,43
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	2621	20,40
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	334	2,60
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	136	1,06
e	Chưa tiếp xúc	194	1,51
	TỔNG	12845	100,00
3	Việc giải quyết các thủ tục hành chính của Nhà trường đối với người học.		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	9345	72,75
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	2542	19,79
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	553	4,31
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	192	1,49
e	Chưa tiếp xúc	213	1,66
	TỔNG	12845	100,00
4	Công tác đảm bảo an ninh, trật tự trường học		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	9911	77,16
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	2234	17,39

c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	434	3,38
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	131	1,02
e	Chưa tiếp xúc	135	1,05
	TỔNG	12845	100,00
5	Việc cung cấp các thông tin nghề nghiệp và việc làm của Nhà trường đối với người học.		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	9872	76,85
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	2268	17,66
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	409	3,18
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	153	1,19
e	Chưa tiếp xúc	143	1,11
	TỔNG	12845	100,00
E	V. Các đơn vị hành chính, bộ phận và đoàn thể (thời gian, quy trình xử lý công việc; tinh thần, thái độ làm việc, phục vụ của cán bộ, viên chức...); Nhóm 1: Bắt buộc người học cho ý kiến		
1	Phòng Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	9973	77,64
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	2013	15,67
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	343	2,67
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	140	1,09
e	Chưa tiếp xúc	376	2,93
	TỔNG	12845	100,00
2	Phòng Đào tạo		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	9723	75,69
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1921	14,96
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	534	4,16
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	136	1,06
e	Chưa tiếp xúc	531	4,13
	TỔNG	12845	100,00

3	Bộ phận một cửa		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	9711	75,60
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	2021	15,73
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	234	1,82
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	165	1,28
e	Chưa tiếp xúc	714	5,56
	TỔNG	12845	100,00
4	Phòng Kế hoạch - Tài chính		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	9235	71,90
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	2126	16,55
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	440	3,43
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	169	1,32
e	Chưa tiếp xúc	875	6,81
	TỔNG	12845	100,00
5	Phòng Thanh tra - Pháp chế		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	9239	71,93
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1673	13,02
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	382	2,97
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	131	1,02
e	Chưa tiếp xúc	1420	11,05
	TỔNG	12845	100,00
6	Phòng Quản trị và Đầu tư		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	8996	70,04
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1734	13,50
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	445	3,46
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	145	1,13

e	Chưa tiếp xúc	1525	11,87
	TỔNG	12845	100,00
7	Trung tâm Công nghệ Thông tin		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	9882	76,93
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1965	15,30
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	265	2,06
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	176	1,37
e	Chưa tiếp xúc	557	4,34
	TỔNG	12845	100,00
8	Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	9245	71,97
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1882	14,65
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	424	3,30
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	135	1,05
e	Chưa tiếp xúc	1159	9,02
	TỔNG	12845	100,00
9	Trung tâm Đảm bảo chất lượng		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	9543	74,29
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1889	14,71
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	434	3,38
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	140	1,09
e	Chưa tiếp xúc	839	6,53
	TỔNG	12845	100,00
10	Đoàn Thanh niên		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	9783	76,16
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	2014	15,68

c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	495	3,85
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	164	1,28
e	Chưa tiếp xúc	389	3,03
	TỔNG	12845	100,00
11	Hội Sinh viên		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	9611	74,82
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	2243	17,46
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	410	3,19
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	225	1,75
e	Chưa tiếp xúc	356	2,77
	TỔNG	12845	100,00
12	Nhà xe sinh viên		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	7553	58,80
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	2987	23,25
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	955	7,43
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	785	6,11
e	Chưa tiếp xúc	565	4,40
	TỔNG	12845	100,00
13	Bộ phận vệ sĩ		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	8807	68,56
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1979	15,41
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	483	3,76
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	135	1,05
e	Chưa tiếp xúc	1441	11,22
	TỔNG	12845	100,00

F	V. Các đơn vị hành chính, bộ phận và đoàn thể (thời gian, quy trình xử lý công việc; tinh thần, thái độ làm việc, phục vụ của cán bộ, viên chức...); Nhóm 2: Chỉ dành cho người học có tiếp xúc		
1	Phòng Khoa học và hợp tác quốc tế		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	8652	67,36
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1785	13,90
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	315	2,45
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	112	0,87
e	Chưa tiếp xúc	1981	15,42
	TỔNG	12845	100,00
2	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh Vinh		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	9356	72,84
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	2119	16,50
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	234	1,82
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	141	1,10
e	Chưa tiếp xúc	995	7,75
	TỔNG	12845	100,00
3	Trung tâm Nội trú		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	9001	70,07
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1876	14,60
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	250	1,95
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	140	1,09
e	Chưa tiếp xúc	1578	12,28
	TỔNG	12845	100,00
4	Trạm Y tế		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	8675	67,54
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	2564	19,96

c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	577	4,49
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	197	1,53
e	Chưa tiếp xúc	832	6,48
	TỔNG	12845	100,00
5	Ban Quản lý Cơ sở 2		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	8863	69,00
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1721	15,10
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	318	2,50
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	171	1,00
e	Chưa tiếp xúc	1772	14,70
	TỔNG	12845	100,00
6	Nhà ăn và các dịch vụ khác		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	8001	62,29
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	2323	18,08
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	529	4,12
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	189	1,47
e	Chưa tiếp xúc	1803	14,04
	TỔNG	12845	100,00

Nghệ An, ngày 31 tháng 7 năm 2019

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG CTCTHSSV

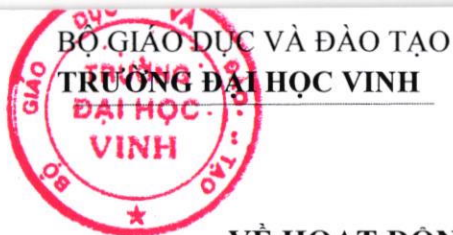
NGƯỜI THỐNG KÊ



ThS. Hoàng Ngọc Diệp



Lê Trần Nam



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 3

**KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI CỦA HỌC SINH
VỀ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CỦA TRƯỜNG THPT CHUYÊN HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2018 - 2019**
(Kèm theo báo cáo số 51 /BC-ĐHV ngày 31 /7/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Môn học	Tổng số câu hỏi được trả lời	MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG							
			Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)		Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)		Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)		Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	
			Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Công nghệ	2424	1716	70,79	381	15,72	166	6,85	161	6,64
2	Đại số	1548	1303	84,17	197	12,73	36	2,33	12	0,78
3	Địa lí	972	592	60,91	201	20,68	125	12,86	54	5,56
4	GD&CD	972	728	74,90	190	19,55	42	4,32	12	1,23
5	GDQP	456	431	94,52	20	4,39	4	0,88	1	0,22
6	Hình học	2736	2229	81,47	382	13,96	91	3,33	34	1,24
7	Hóa học	2591	1934	74,64	443	17,10	154		60	2,32
8	Lịch sử	780	672	86,15	75	9,62	17	2,18	16	2,05
9	Ngoại ngữ	1188	929	78,20	174	14,65	68	5,72	17	1,43
10	Sinh học	3048	2374	77,89	514	16,86	114	3,74	46	1,51
11	Thể dục	1308	1107	84,63	140	10,70	28	2,14	33	2,52
12	Tin học	1620	1325	81,79	200	12,35	39	2,41	56	3,46
13	Văn học	2458	1950	79,33	391	15,91	67	2,73	50	2,03
14	Văn học	156	126	80,77	29	18,59	1	0,64	0	0,00
15	Vật lý	2040	1681	82,40	276	13,53	62	3,04	21	1,03
	Tổng	24297	19097	78,60	3613	14,87	1014	4,17	573	2,36

Nghệ An, ngày 31 tháng 7 năm 2019

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG CTCTHSSV

NGƯỜI THÔNG KÊ

ThS. Hoàng Ngọc Diệp

Lê Trần Nam



PHỤ LỤC 4

**KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI CỦA PHỤ HUYNH HỌC SINH
VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG THPT CHUYÊN, HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2018 - 2019**

(Kèm theo báo cáo số **51** /BC-ĐHV ngày **31** /7/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

Tốt: Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên

Trung bình: Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%

Khá: Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%

Chưa đạt: Mức độ đáp ứng dưới 50%

Câu hỏi	Phương án trả lời	Tổng số Phiếu	Tỷ lệ %
1. Hoạt động dạy học			
Câu 1. Việc thực hiện các thủ tục hành chính (nhập học, cung cấp thông tin, xử lý hồ sơ, giải quyết các giấy tờ...) của Nhà trường.	Tốt	127	88,19
	Khá	15	13,89
	Trung bình	2	6,45
	Chưa đạt	0	0,00
	Không có ý kiến	0	0,00
Tổng		144	100
Câu 2. Môi trường giáo dục nơi con ông, bà đang học tập, rèn luyện.	Tốt	108	75,00
	Khá	31	21,53
	Trung bình	4	2,78
	Chưa đạt	0	0,00
	Không có ý kiến	1	0,69
Tổng		144	100
Câu 3. Cơ sở vật chất của Nhà trường trong việc đảm bảo điều kiện học tập, sinh hoạt của học sinh	Tốt	108	75,00
	Khá	31	21,53
	Trung bình	4	2,78
	Chưa đạt	0	0,00
	Không có ý kiến	1	0,69
Tổng		144	100
Câu 4. Công tác phối hợp giữa giáo viên chủ nhiệm với phụ huynh trong việc trao đổi thông tin, giáo dục, chăm sóc học sinh.	Tốt	113	78,47
	Khá	27	18,75
	Trung bình	2	1,39
	Chưa đạt	1	0,69

Handwritten signature

	Không có ý kiến	1	0,69
Tổng		144	100
Câu 5. Công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh trong quá trình học tập tại trường.	Tốt	121	84,03
	Khá	20	13,89
	Trung bình	2	1,39
	Chưa đạt	0	0,00
	Không có ý kiến	1	0,69
Tổng		144	100
Câu 6. Thái độ, sự nhiệt tình và công bằng của giáo viên trong việc dạy học và đánh giá kết quả học tập của học sinh.	Tốt	104	72,22
	Khá	31	21,53
	Trung bình	6	4,17
	Chưa đạt	2	1,39
	Không có ý kiến	1	0,69
Tổng		144	100
Câu 7. Việc tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ - thể dục, thể thao và hoạt động ngoại khóa cho học sinh của Nhà trường.	Tốt	113	78,47
	Khá	27	18,75
	Trung bình	2	1,39
	Chưa đạt	1	0,69
	Không có ý kiến	1	0,69
Tổng		144	100
Câu 8. Công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để giáo dục đạo đức, lối sống và tư vấn, hỗ trợ cho học sinh.	Tốt	107	74,31
	Khá	32	22,22
	Trung bình	3	2,08
	Chưa đạt	1	0,69
	Không có ý kiến	1	0,69
Tổng		144	100
Câu 9. Thực hiện việc xây dựng môi trường văn hóa và phòng chống bạo lực học đường của Nhà trường.	Tốt	117	81,25
	Khá	23	15,97
	Trung bình	3	2,08
	Chưa đạt	0	0,00
	Không có ý kiến	1	0,69
Tổng		144	100

Câu 10. Sự thân thiện, đoàn kết giữa học sinh với học sinh trong Nhà trường.	Tốt	105	72,92
	Khá	36	25,00
	Trung bình	2	1,39
	Chưa đạt	0	0,00
	Không có ý kiến	1	0,69
Tổng		144	100
Câu 11. Mức độ hài lòng về kết quả học tập của con ông, bà.	Tốt	90	62,50
	Khá	47	32,64
	Trung bình	6	4,17
	Chưa đạt	0	0,00
	Không có ý kiến	1	0,69
Tổng		144	100
Câu 12. Mức độ hài lòng về kết quả rèn luyện của con ông, bà.	Tốt	102	70,83
	Khá	36	25,00
	Trung bình	4	2,78
	Chưa đạt	1	0,69
	Không có ý kiến	1	0,69
Tổng		144	100

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG CTCTHSSV


ThS. Hoàng Ngọc Diệp

Nghệ An, ngày 31 tháng 7 năm 2019

NGƯỜI THỐNG KÊ


Lê Trần Nam



PHỤ LỤC 5

KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI CỦA SINH VIÊN CUỐI KHÓA TỐT NGHIỆP NĂM 2019
VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ TRƯỜNG, NĂM HỌC 2018 - 2019

(Kèm theo báo cáo số 51 /BC-ĐHV ngày 11 /7/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

STT	Tiêu chí	Số phiếu	Tỷ lệ %
A	Đánh giá về chương trình đào tạo		
1	Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, phù hợp với chuẩn đầu ra		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	4940	82,1
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	814	13,5
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	200	3,3
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	62	1
	TỔNG	6016	99,9
2	Cấu trúc chương trình linh hoạt, thuận lợi cho người học lựa chọn chuyển đổi		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	4848	80,6
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	875	14,6
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	214	3,6
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	79	1,3
	TỔNG	6016	100,1
3	Chương trình phân bố tỷ lệ giờ lý thuyết, thực hành hợp lý		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	4820	80,1
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	874	14,5
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	243	4
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	79	1,3
	TỔNG	6016	99,9
4	Nội dung các học phần có tính kế thừa và phù hợp với mục tiêu, yêu cầu của ngành học		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	4836	80,4
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	884	14,7
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	217	3,6
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	79	1,3

JK

TỔNG		6016	100
5	Các học phần chú trọng cả kiến thức và kỹ năng		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	4841	80,5
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	927	15,4
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	176	2,9
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	72	1,2
TỔNG		6016	100
6	Chương trình cân đối giữa thời gian học trên lớp và tự học		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	4885	81,2
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	864	14,4
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	190	3,2
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	77	1,3
TỔNG		6016	100,1
7	Chương trình đã cung cấp kiến thức và kĩ năng cần thiết cho nghề nghiệp.		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	4756	79,1
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	936	15,6
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	238	4
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	86	1,4
TỔNG		6016	100,1
B	Đánh giá về đội ngũ giảng viên		
1	Giảng viên có trình độ, kiến thức chuyên môn tốt và thường xuyên cập nhật thông tin mới trong bài giảng		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	4903	81,5
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	880	14,6
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	167	2,8
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	66	1,1
TỔNG		6016	100
2	Giảng viên có kỹ năng sư phạm và sử dụng hiệu quả nhiều phương pháp giảng dạy khác nhau		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	4884	81,2
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	898	14,9
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	168	2,8
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	66	1,1

TỔNG		6016	100
3	Giảng viên thông báo đầy đủ tiêu chí đánh giá cho từng học phần		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	4913	81,7
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	872	14,5
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	171	2,9
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	60	1
TỔNG		6016	100,1
4	Giảng viên thường xuyên khuyến khích sinh viên tham gia vào các hoạt động học tập, thảo luận và thực hành, rèn luyện chuyên môn.		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	4927	81,9
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	834	13,9
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	183	3,1
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	72	1,2
TỔNG		6016	100,1
5	Giảng viên sẵn sàng hướng dẫn, giúp đỡ sinh viên trong học tập		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	4858	80,8
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	877	14,6
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	210	3,5
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	71	1,2
TỔNG		6016	100,1
6	Giảng viên công bằng, khách quan và đánh giá đúng năng lực của sinh viên		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	4819	80,1
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	918	15,3
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	186	3,1
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	93	1,6
TỔNG		6016	100,1
C	Đánh giá về kết quả học tập của sinh viên		
1	Khóa học cung cấp cho anh/chị những kiến thức cần thiết về chuyên môn và nghiệp vụ nghề nghiệp		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	4858	80,8
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	877	14,6
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	210	3,5
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	71	1,2

TỔNG		6016	100,1
2	Khóa học giúp anh/chị phát triển những kỹ năng mềm cần thiết cho nghề nghiệp (giao tiếp, trình bày, tổ chức, quản lý, làm việc nhóm...)		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	4885	81,2
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	864	14,4
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	190	3,2
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	77	1,3
TỔNG		6016	100,1
3	Khóa học giúp anh/chị nâng cao năng lực ngoại ngữ, tin học		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	4814	80
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	999	16,6
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	136	2,3
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	67	1,1
TỔNG		6016	100
4	Khóa học giúp anh/chị rèn luyện kỹ năng tư duy sáng tạo, khả năng tự học, tự nghiên cứu		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	4940	82,1
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	814	13,5
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	200	3,3
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	62	1
TỔNG		6016	100
5	Khóa học giúp anh/chị phát triển, nâng cao đạo đức, nhân cách, lối sống, tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật...		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	4800	79,79
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1013	16,83
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	136	2,3
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	67	1,1
TỔNG		6016	100
6	Anh/chị tự tin về khả năng đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp sau khi ra trường		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	4642	77,2
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1069	17,8
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	217	3,6

d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	88	1,5
TỔNG		6016	100,1
D	Đánh giá về tổ chức đào tạo và cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học		
1	Kế hoạch, thời gian biểu học tập và thi kết thúc học phần được sắp xếp phù hợp		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	4814	80
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	999	16,6
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	136	2,3
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	67	1,1
TỔNG		6016	100
2	Cơ sở vật chất, trang thiết bị của Nhà trường đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu và rèn luyện của sinh viên		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	4893	81,3
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	872	14,5
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	177	3
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	74	1,2
TỔNG		6016	100
3	Thư viện của Trường có đủ học liệu đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của sinh viên		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	4860	80,8
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	910	15,1
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	178	3
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	68	1,1
TỔNG		6016	100
E	Đánh giá chung		
1	Mức độ hài lòng chung của anh/chị về chương trình đào tạo của ngành đã theo học		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	4766	79,2
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	995	16,5
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	184	3,1
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	71	1,2
TỔNG		6016	100
2	Mức độ hài lòng chung của anh/chị về môi trường sống, sinh hoạt, rèn luyện và học tập tại Trường.		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	4812	80
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	947	15,8

c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	183	3,1
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	74	1,2
TỔNG		6016	100,1
3	Mức độ hài lòng của anh/chị về chất lượng phục vụ của Nhà trường đối với sinh viên.		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	4764	79,2
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	988	16,4
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	145	2,4
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	119	2
TỔNG		6016	100

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG CTCTHSSV



ThS. Hoàng Ngọc Diệp

Nghệ An, ngày 31 tháng 7 năm 2019

NGƯỜI THỐNG KÊ



Lê Trần Nam